

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2023
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Huyền và bà Đặng Huyền Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T – Sinh năm: 1992.

Trú tại: Thôn 1, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Hữu K – Sinh năm: 1991.

HKTT: Thôn 1, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị S – Sinh năm: 1964.

Trú tại: Thôn 1, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T vắng mặt. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Lê Hữu K kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 người con chung. Đến năm 2017 anh K đi làm ăn, kể từ khi anh K đi cho đến nay, anh K không liên lạc về và cũng không

về thăm vợ con lần nào. Mặc dù, chị T và gia đình anh K đã hỏi thăm, tìm hiểu nhiều nơi để liên lạc với anh K nhưng vẫn không có tin tức gì về anh K. Do anh K đi đã hơn 5 năm, nên năm 2022, chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Lê Hữu K đã chết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, có người ở Sài Gòn liên lạc về cho gia đình anh K để hỏi anh K có về nhà không nhưng vẫn không thấy anh K về. Do đang còn tin tức về anh K đang làm ăn ở Sài Gòn nên chị T đã rút đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh K đã chết. Tuy nhiên, sau đó chị T làm đơn yêu cầu ly hôn với anh K do vợ chồng đã sống ly thân từ khi anh K đi đến nay đã hơn 5 năm. Do hiện nay chị T không biết anh K ở đâu nên chị T đã yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho anh K biết về việc chị T yêu cầu ly hôn với anh K. Đến nay vẫn không có tin tức gì về anh K nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh K có 02 người con chung là Lê Thị Quỳnh N – Sinh ngày: 17/9/2012 và Lê Hữu Đ – Sinh ngày: 30/8/2014. Từ khi anh K đi cho đến nay, một mình chị T nuôi cả 2 con, nay ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi cả hai con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hữu K vắng mặt tại nơi cư trú nên không có ý kiến.

- Tại phiên tòa, cháu Lê Thị Quỳnh N và Lê Hữu Đ vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cháu Như và cháu Đ trình bày: Bố cháu là Lê Hữu K, mẹ cháu là Lê Thị T, hiện nay bố mẹ ly hôn, bố không ở nhà, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

- Tại phiên tòa, người làm chứng bà Nguyễn Thị S lúc đầu có mặt nhưng sau đó xin về do các đương sự vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà S đã trình bày:

Anh Lê Hữu K là con trai bà S, chị T là con dâu. Anh K và chị T kết hôn với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và ở cùng gia đình bà S. Vợ chồng anh K chị T có 02 người con chung. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng không có tài sản chung gì, không nợ ai và không có ai nợ. Từ năm 2017, K đi làm ăn trong miền Nam không rõ địa chỉ ở đâu, từ khi đi đến nay K chưa về lần nào. Đến năm 2022, có người ở Sài Gòn nhưng bà S không biết là ai, gọi điện cho bà S hỏi bà S về việc anh K có về nhà không, vì anh K đang làm cho họ mà anh K đi đâu không báo lại cho họ. Tuy nhiên, đến nay gia đình bà S vẫn không biết anh K đang ở đâu và không liên lạc được với anh K. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với K, bà S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật.

- *Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, nguyên đơn yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm bị đơn trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn vẫn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Hữu K; Về nuôi con chung: Giao 2 con chung là Lê Thị Quỳnh N – Sinh ngày: 17/9/2012 và Lê Hữu Đ – Sinh ngày: 30/8/2014 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Hữu K; Về tài sản chung và nợ: Không có nên không xét; Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS. Bị đơn là anh Lê Hữu K có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm bị đơn trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật, đồng thời niêm yết,

tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bị đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Hữu K kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73 ngày 06 tháng 9 năm 2011. Hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017, anh K đi làm ăn, nhưng từ khi đi đến nay anh K không về lần nào. Mặc dù, chị T và gia đình anh K đã hỏi thăm, tìm hiểu nhiều nơi để liên lạc với anh K nhưng vẫn không liên lạc được với anh K. Do anh K đi đã hơn 5 năm, nên năm 2022, chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Lê Hữu K đã chết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, có người ở Sài Gòn liên lạc về cho gia đình anh K để hỏi anh K có về nhà không nhưng vẫn không thấy anh K về. Do đang còn tin tức về anh K đang làm ăn ở Sài Gòn nên chị T đã rút đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh K đã chết. Tuy nhiên, sau đó chị T làm đơn yêu cầu ly hôn với anh K do vợ chồng đã sống ly thân từ khi anh K đi đến nay đã hơn 5 năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không biết anh K ở đâu nên chị T đã yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho anh K biết về việc chị T yêu cầu ly hôn với anh K. Đến nay anh K vẫn không về giải quyết nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh anh Lê Hữu K có đăng ký nơi cư trú tại xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, hiện tại anh K không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh Lê Hữu K 03 lần liên tiếp trên Đài Tiếng nói Việt Nam (các ngày 9,10,11 tháng 4 năm 2023) và Báo Nhân dân (Các ngày 8,9,10 tháng 4 năm 2023) về việc chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn. Đồng thời, niêm yết các văn bản tố tụng, tài liệu chứng cứ tại nơi cư trú để anh Lê Hữu K biết. Tuy nhiên, đến nay mặc dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh K vẫn vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Hữu K là đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống hiện tại và tương lai. Tuy nhiên, giữa chị T và anh K đã bỏ mặc nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn cùng nhau xây dựng gia đình đã nhiều năm. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể Đ được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly

hôn của chị Lê Thị T là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh K có 02 người con chung là Lê Thị Quỳnh N – Sinh ngày: 17/9/2012 và Lê Hữu Đ – Sinh ngày: 30/8/2014. Xét thấy, từ khi anh K đi đến nay, một mình chị T nuôi 2 con, nay ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 2 con. Do hiện tại anh K không có mặt tại địa phương, vì vậy, cần giao tiếp tục giao 2 con Lê Thị Quỳnh N và Lê Hữu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của chị T và nguyện vọng của 2 con theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị T khai không có tài sản chung gì và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Hữu K.

*** Về nuôi con chung:** Giao con chung là Lê Thị Quỳnh N – Sinh ngày: 17/9/2012 và Lê Hữu Đ – Sinh ngày: 30/8/2014 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Lê Hữu K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0000312 ngày 09/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lệ Hằng

